

Đơn vị: **Sở Nội vụ**
Chương: **435**

Biểu số 1

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /5/2021 của Sở Nội vụ)

ĐV tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				Đơn vị Văn phòng Sở Nội vụ	Đơn vị Ban Thi đua - Khen thưởng	Đơn vị Ban Tôn giáo	Đơn vị Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.060	28.060	28.060			
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	28.060	28.060	28.060			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
	<i>Kinh phí thực hiện chi tiền lương và hoạt động thường xuyên</i>						
	<i>- Kinh phí 10% CCTL tại đơn vị</i>						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	28.060	28.060	28.060			
-	Kinh phí tổ chức kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức theo Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;	28.060	28.060	28.060			
2	Nghiên cứu khoa học						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				Đơn vị Văn phòng Sở Nội vụ	Đơn vị Ban Thi đua - Khen thưởng	Đơn vị Ban Tôn giáo	Đơn vị Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
	<i>Kinh phí đào tạo CBCC (Loại 070, khoản 085)</i>						
	<i>Đào tạo khác (Loại 070, khoản 083)</i>						
	<i>Học sinh cử tuyển (Loại 070, khoản 083)</i>						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
11	Chi Chương trình mục tiêu						